

Bản án số: 25/2025/HSST  
Ngày 11/8/2025

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H.

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị C; Bà Ngô Thùy P.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hạp Thị Lan P- Thư ký TAND khu vực .

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực tham gia phiên tòa:*** Ông Đoàn Xuân T- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực xét xử sơ thẩm công khai án hình sự thụ lý số: 20/2025/HSST ngày 22 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2025/QĐXXST-HS ngày 30/7/2025 đối với bị cáo:

**Lê Văn T, sinh năm 1997;** HKTT: Khu phố L, phường N, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; vợ: Đặng Thị Anh T, sinh năm 1997; Con: 03 con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2024.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại bản án HSST số 168 ngày 14/07/2015 của Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong toàn bộ quyết định của bản án.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2025 đến ngày 04/4/2025 được thay đổi ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

**\* Bị hại:** Anh Nguyễn Đình Thiện N, sinh năm 2007; HKTT: Thôn Yên Giã, xã Chi Lăng, tỉnh B, vắng mặt.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Dương Thị H, sinh năm 1987; HKTT: Khu phố G, phường P, tỉnh B, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973; HKTT: Khu phố L, phường Đ, tỉnh B, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lê Văn T không có nghề nghiệp ổn định, thuê trọ tại khu phố G, phường P, tỉnh B. Khoảng 24 giờ ngày 03/3/2025, Trọng rử Nguyễn Trọng D (không rõ năm sinh), HKTT theo T khai ở khu phố Đ, phường N, tỉnh B đi trộm cắp tài sản để bán, D đồng ý. Sau khi thống nhất, D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda

wave màu đen bạc BKS: 20B1 -148.56 (Trọng mượn của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1997; HKTT: Khu Q, phường V, tỉnh B) chở Trọng ngồi sau đi loanh quanh trên địa bàn các phường P và xã Y để tìm tài sản trộm cắp. Đến khoảng 4 giờ 20 phút ngày 04/03/2025 khi đi đến nhà anh Nguyễn Đình Thiện N, sinh năm 2007, HKTT: thôn Y, xã C, tỉnh B, T và D quan sát thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave màu xanh, đen, bạc BKS: 99E1 - 004.81 để trong sân nhà, không ai trông giữ. D dừng xe lại và nói với T “ở trong sân có xe”, T bảo “ừ lấy”. T xuống xe và đi vào trong sân còn D ở bên ngoài canh giới. T ngồi lên xe dùng hai tay cầm vào tay lái bẻ mạnh khoá cổ. Sau khi bẻ được khoá cổ, Trọng dắt chiếc xe trên ra ngoài đường rồi ngồi lên xe, còn D điều khiển xe mô tô BKS: 20B1 -148.56 dùng chân đẩy phía sau xe Trọng. Khi đi đến đoạn đường thuộc KCN Q, T và D dùng tay tháo biển kiểm soát của chiếc xe vừa trộm cắp được và cắt biển số xe vào trong cốp xe mô tô mà D điều khiển. Sau đó cả hai tiếp tục đẩy xe về phòng trọ của T ở khu phố G và để xe ở tại đây. T lên phòng trọ ngủ, còn D đi đâu không rõ. Đến khoảng 9 giờ ngày 04/3/2025, T điều khiển xe mô tô BKS: 20B1 -148.56 đi đến đoạn đê thuộc khu phố L (T không nhớ vị trí cụ thể đoạn nào), T lấy chiếc BKS: 99E1 - 004.81 trong cốp xe và vứt xuống S. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô BKS: 20B1 -148.56 ra nhà chị Dương Thị H, sinh năm 1987; HKTT: Khu phố G, phường P, tỉnh B để vay số tiền 2.000.000 đồng và gửi lại chiếc xe mô tô trên cho chị H hẹn hôm sau đến trả tiền rồi lấy xe. Đến khoảng 20 giờ ngày 05/03/2025, T về phòng trọ dắt chiếc xe mô tô mà T trộm cắp được ở nhà anh Nguyễn Đình Thiện N ra quán sửa xe của anh Hoàng Thế A, sinh năm 1992; HKTT: Thôn C, xã Đ, tỉnh T hiện đang làm thợ sửa xe tại khu phố G, phường P, tỉnh B để sửa khóa xe, T để xe lại và đi về phòng trọ.

Ngày 06/3/2025, tại Cơ quan điều tra anh Hoàng Thế A tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe mô tô Honda wave, màu xanh đen bạc không biển kiểm soát và chị Dương Thị H tự nguyện giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave màu đen bạc BKS: 20B1-148.56 để phục vụ công tác điều tra.

Vật chứng thu giữ: - Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave màu xanh đen bạc không đeo biển kiểm soát, số khung: RLHHC1203BY048724, số máy: HC12E-2848746 là tài sản của anh Nguyễn Đình Thiện N nên ngày 11/5/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh N, anh N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave màu đen bạc BKS: 20B1-148.56 xác định là tài sản của anh Nguyễn Văn T, anh T cho T mượn để đi lại, không biết T sử dụng vào mục đích đi trộm cắp tài sản nên ngày 11/5/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã trả lại cho anh T, anh T không có yêu cầu, đề nghị gì.

- Đối với 01 đĩa DVD ghi âm, ghi hình hỏi cung bị can và 01 đĩa DVD ghi lại hình ảnh Trọng trộm cắp tài sản lưu theo hồ sơ vụ án.

\* Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị hại đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Trọng.

Cáo trạng số: 20/CT-VKSQV ngày 21/7/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu và thừa nhận bản cáo trạng truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài

sản” theo điểm khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Lời khai của anh Nguyễn Đình Thiện N có trong hồ sơ thể hiện anh đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị H vắng mặt, nhưng lời khai có trong hồ sơ thể hiện: Chị H cho T vay số tiền 2.000.000đ, chị không mua bán hay nhận cầm cố. Sau khi sự việc xảy ra, làm việc với Cơ quan điều tra chị H đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, bạc, BKS: 20B1-148.56 cho Cơ quan điều tra. Đối với số tiền 2.000.000đ, bà Nguyễn Thị N là mẹ bị cáo Trọng đã trả tiền cho chị H thay T. Chị H đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu đề nghị gì.

Bà Nguyễn Thị N đã trả 2.000.000đ thay cho T, đồng thời bà N cũng không yêu cầu T phải trả cho bà N số tiền trên.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích hành vi phạm tội, căn cứ vào nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 14 đến 17 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với chị Dương Thị H là người giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, bạc, BKS: 20B1-148.56. Chị H cho Trọng vay số tiền 2.000.000đ, chị không mua bán hay nhận cầm cố. Sau khi làm việc với Cơ quan điều tra chị Hòa đã tự nguyện giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan điều tra. Đối với số tiền 2.000.000đ, bà Nguyễn Thị N là mẹ của Lê Văn T đã thay T trả số tiền trên cho chị H. Chị H đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu đề nghị gì, đồng thời bà N cũng không yêu cầu Trọng phải trả cho bà N số tiền trên.

Vật chứng của vụ án và xử lý vật chứng: Không.

- Đối với 01 đĩa DVD ghi âm, ghi hình hỏi cung Trọng và 01 đĩa DVD ghi lại hình ảnh Trọng trộm cắp tài sản lưu theo hồ sơ vụ án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bị cáo nhận tội, không tham gia tranh luận gì với quan điểm của Kiểm sát viên. Bị cáo chỉ xin hưởng mức hình phạt thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng: Đã thực hiện đúng theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Vậy các

hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với thời gian, địa điểm phạm tội, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ Hội đồng xét xử xét đã có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 04 giờ 20 phút ngày 04/03/2025 tại thôn Y, xã C, tỉnh B, Lê Văn T có hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave màu xanh đen bạc BKS: 99E1 - 004.81 của anh Nguyễn Đình Thiện N trị giá 6.000.000 đồng. Viện kiểm sát nhân dân khu vực truy tố và đề nghị xét xử bị cáo Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn chính xác có căn cứ pháp luật.

Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh và gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân trên địa bàn thị xã Q. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Song do bản tính lười lao động, muốn có tiền phục vụ cho nhu cầu của bản thân nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

[3] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân xấu tại bản án HSST số 168 ngày 14/07/2015 của Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong toàn bộ quyết định của bản án. Song, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội, tài sản do bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Đồng thời, ông nội của bị cáo có tham gia kháng chiến được tặng thưởng huân huy chương nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo trước đó đã bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản, nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội Trộm cắp tài sản, do vậy, cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội và cũng để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[4] Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính là hình phạt tù, lẽ ra cần áp dụng hình phạt bổ sung là “*Phạt tiền*” đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Liên quan trong vụ án: Đối với nam thanh niên theo lời khai của Lê Văn T là Nguyễn Trọng D, nhà ở khu phố Đ, phường N, tỉnh B. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã tiến hành xác minh tại địa phương xác định có công dân tên Nguyễn Trọng D, sinh năm 1996, HKTT: khu phố Đ, phường Nh, tỉnh B. Cơ quan

điều tra đã nhiều lần xác minh, triệu tập nhưng đối tượng đều vắng mặt tại địa phương, hiện không biết ở đâu, làm gì. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm người đối với Nguyễn Trọng D nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả. Do chưa làm việc được với Nguyễn Trọng D và chưa đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh Nguyễn Trọng D là đối tượng cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 04/03/2025 tại thôn Y, xã C, tỉnh B với bị cáo Lê Văn T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Bắc Ninh tách hành vi của D ra khi nào làm rõ sẽ xem xét xử lý sau.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

2. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

3. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 14 (Mười bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam.

(Đối với 01 đĩa DVD ghi âm, ghi hình hỏi cung bị can và 01 đĩa DVD ghi lại hình ảnh Trọng trộm cắp tài sản lưu theo hồ sơ vụ án).

4. Buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án xử vắng mặt.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh, VKSND tỉnh B;
- VKSND khu vực
- Công an tỉnh
- Phòng THADS khu vực
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu Hồng**